

## **THƯ MỜI BÁO GIÁ**

*V/v cung cấp Hóa chất xét nghiệm và invitro dùng chung sử dụng 12 tháng của  
Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định*

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.**

Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm và invitro dùng chung sử dụng 12 tháng của Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:  
Ông: Bùi Xuân Hoàng  
Chức vụ: Phó Trưởng khoa Dược-Vật tư, TTBYT  
Số điện thoại: 0983.468.108  
Email: Khoaduocbvln@gmail.com
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhà thầu nộp 01 bản báo giá bản có dấu đỏ.
  - Việc gửi, nộp hồ sơ chào giá Quý nhà thầu gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ: Bệnh viện Phổi Tỉnh Nam Định số 136 đường Phạm Ngọc Thạch Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (Trong giờ hàng chính) Điện thoại: 0228.3648554
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 05 tháng 09 năm 2024 đến trước 15h ngày 18 tháng 09 năm 2024.  
*Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.*
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hàng hóa (Phụ lục đính kèm)
2. Địa điểm cung cấp: Khoa Dược- Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định theo địa chỉ: Số 136, Phạm Ngọc Thạch, P. Lộc Hạ, Tp Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng của bệnh viện.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán 100% giá trị sau khi đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng.
5. Các thông tin khác.

*Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa ; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hóa chất; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác.*

Kính đề nghị các đơn vị gửi báo giá theo mẫu (Phụ lục 2 đính kèm) đúng thời gian quy định.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



**Dương Văn Toán**





**PHỤ LỤC 2**

(Đính kèm Công văn số: 283/TM-BVP ngày 05/09/2024 của Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định, chúng tôi ....(ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp) báo giá cho vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Vật tư y tế A									
2	Hóa chất B									
n	...									

( Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư y tế, hóa chất (nếu có)

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng .... ngày, kể từ .....h, ngày .... tháng .... năm .....
- Chúng tôi cam kết:
  - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
  - Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
  - Những thông tin nêu trong báo giá

....., ngày ... tháng ... năm 2024

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



## PHỤ LỤC DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ INVITRO DÙNG CHUNG

(Kèm theo công văn số 283 /TM-BVP ngày 05/09/2024)

ST T	Tên hóa chất và Invitri dùng chung	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng để rửa đường dịch Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether 0,05%, Ethylene glycol monophenyl ether 0,33%	Can 5 lít	Can	30	
2	Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng để rửa đường dịch trong trường hợp đặc biệt Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng nhạt Mùi: nhẹ Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	Can 5 lít	Can	15	
3	Dung dịch phá vỡ màng tế bào hồng cầu 3	Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 5 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	Can 0,5 lít	Can	45	



4	Dung dịch phá vỡ màng tế bào hồng cầu 5	Phá màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7 đến 9 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm	Can 0,5 lít	Can	10	
5	Dung dịch pha loãng máu cho xét nghiệm huyết học	Dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	Can 18 lít	Can	100	
6	Hoá chất chuẩn máy phân tích huyết học mức độ trung bình	Dùng để QC máy, Thành phần: Chứa hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú, 3ml/ lọ. Đạt tiêu chuẩn iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương	3ml/lọ	Lọ	15	
7	Hoá chất chuẩn máy phân tích huyết học mức độ cao	Dùng để QC máy, Thành phần: Chứa hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú, 3ml/ lọ. Đạt tiêu chuẩn iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương	3ml/lọ	Lọ	15	
8	Hoá chất chuẩn máy phân tích huyết học mức độ thấp	Dùng để QC máy, Thành phần: Chứa hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú, 3ml/ lọ. Đạt tiêu chuẩn iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương	3ml/lọ	Lọ	15	
9	Chất kiểm chuẩn mức bình thường cho máy xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm chuẩn mức bình thường cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động, 1*5ml/ hộp - Đạt tiêu chuẩn iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương	1x5ml	Lọ	15	
10	Chất kiểm chuẩn mức bất thường cho máy xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm chuẩn mức bất thường cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động, 1*5ml/ hộp - Đạt tiêu chuẩn iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương	1x5ml	Lọ	15	
11	Vòng cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvette sử dụng cho máy đông máu tự động. Tương thích với máy đông máu đang sử dụng tại Bệnh viện	6x10x32	Hộp	5	

12	Hoạt chất tẩy rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hoạt chất tẩy rửa, dùng để sử dụng trong quá trình vận hành thiết bị xét nghiệm đông máu. Tương thích với máy đông máu đang sử dụng tại Bệnh viện	5x15 ml	Hộp	5	
13	Hoạt chất tẩy rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hoạt chất tẩy rửa được dùng để rửa hệ thống của thiết bị đông máu. Tương thích với máy đông máu đang sử dụng tại Bệnh viện	5x15 ml	Hộp	5	
14	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Thành phần hoạt tính: Thromboplastin, calcium chloride, buffer và sodium. Chất thử dùng cho các trường hợp chỉ định xét nghiệm xác định hoạt tính đông máu của các yếu tố tham gia trong con đường đông máu ngoại sinh (II, V, VII, X, , fibrinogen...)	10 x 4 ml	Hộp	10	
15	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Thành phần hoạt tính: phospholipids, ellagic acid activator, buffer. Tỉ lệ hút trong 1 test phản ứng: 50µl mẫu, 50µl, 50 µl Calcium Chloride (0.025M). Chất thử dùng cho các trường hợp chỉ định xét nghiệm xác định thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hoá, từ đó xác định biểu hiện hoạt tính đông máu của các yếu tố tham gia trong con đường đông máu nội sinh (VIII, IX, XI, XII, II, X, fibrinogen...)	10 x 4 ml	Hộp	8	
16	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Thành phần hoạt tính Calcium Chloride 0.025M và 0.095% sodium azide. Chất thử là chất xúc tác cho quá trình phân tích APTT dùng cho các trường hợp chỉ định xét nghiệm xác định thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hoá, từ đó xác định biểu hiện hoạt tính đông máu của các yếu tố tham gia trong con đường đông máu nội sinh (VIII, IX, XI, XII, II, X, fibrinogen.).	10 x 4 ml	Hộp	5	
17	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Thành phần hoạt tính: R1 Thrombin 100 NIH U/mL, R2: Imidazole Buffer, R3: kaolin Suspension. Tỉ lệ hút trong mỗi test: 100 µl mẫu và R2 + 50 µl (R1+R3). Chất thử dùng cho các trường hợp chỉ định xét nghiệm xác định protein (yếu tố I) được tổng hợp tại gan. Giúp phát hiện một hội chứng viêm. Để thăm dò rối loạn đông máu khi BN có hội chứng chảy máu. Định lượng nồng độ fibrinogen máu được chỉ	5x2ml/4x25 ml/1x11ml	Hộp	12	



		<p>định khi các XN đông máu khác (Vd: thời gian prothrombin, thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần, các sản phẩm thoái giáng fibrin và D-dimer) bất thường. Để theo dõi trong quá trình điều trị tiêu fibrin. Có thể được sử dụng để theo dõi tình trạng bệnh gan tiến triển.</p> <p>- Đo bằng phương pháp: Kỹ thuật hóa điện cực được thiết kế đặc biệt với 2 điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd).</p> <p>- Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chi phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu.</p> <p>- Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt.</p> <p>- Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu.</p> <p>- Loại mẫu máu: mao mạch</p> <p>- Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL.</p> <p>- Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L)</p> <p>- Khoảng Hematocrit: 20 - 60%</p> <p>- Sử dụng tương thích với máy đo OneTouch Ultra Plus Flex tại bệnh viện</p>	Hộp 25 test	Test	3000
18	Test thử đường huyết		Hộp 25 test	Test	3000
19	Test HBsAg	<p>- Độ nhạy 98,4% ,</p> <p>- Độ đặc hiệu ≥ 99,6%;</p> <p>- Giới hạn phát hiện &gt;=0.1IU/ml. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của Người. Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuỗi kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuỗi kháng HBsAg.</p> <p>Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 ( 233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 ( 17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 ( 6</p>	100test/ túi	Test	1000





31	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose	5*100ml/hộp	Hộp	18
32	Hóa chất định lượng Urea UV	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong máu	2*125ml/hộp	Hộp	42
33	Hóa chất định lượng Triglyceride	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong máu	5*100ml/ hộp	Hộp	12
34	Hóa chất định lượng Albumin	Xác định hàm lượng Albumin trong huyết thanh, huyết tương	4*50ml/hộp	Hộp	20
35	Hóa chất định lượng Gamma GT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng $\gamma$ -Glutamyltransferase ( $\gamma$ -GT)	2*30ml/hộp	Hộp	14
36	Hóa chất định lượng Alkaline Phosphatase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alkaline Phosphatase	2*50ml	Hộp	2
37	Hóa chất định lượng CRP	Hoá chất dùng cho xét nghiệm chẩn đoán định lượng CRP	2x24ml + 2x8ml + 1x2ml	Hộp	5
38	Chất nhuộm Giemsa	Nhiệt độ sôi: >65 °C (1013 hPa) Tỷ trọng: 0.99 g/cm <sup>3</sup> (20 °C) Nhiệt độ đánh lửa: 455 °C pH: 6.1 – 7.0 (H <sub>2</sub> O, 20 °C) (undiluted) Đóng gói: 500 ml/chai Bảo quản: +15°C to +25°C	Chai 500ml	Chai	6
39	Hóa chất điện giải( Reagan Pack)	Hộp hóa chất 750ml bao gồm Standard A 400ml, Standard B 150ml, Reference solution 200ml sử dụng trong chuẩn đoán in vitro, nhằm định lượng Natri, Kali, Clo hoặc Lithium trong máu, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy	750ml/ bộ	Bộ	30
40	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế	2% Glutaraldehyde, pH=6 khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. pH = 6. Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt nấm, virus theo tiêu chuẩn và diệt Mycobacteria trong 10 phút	Can 5 lít	Can	30
41	Dung dịch tẩy rửa trang thiết bị y tế	Hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt tẩy rửa dụng cụ y tế với 5 enzyme. Phù hợp với máy rửa dụng cụ. Hiệu quả với mọi loại nước (nước mềm hoặc nước chưa xử lý). Công thức không chứa chất bay hơi, pH trung tính ở nồng độ sử dụng.	Can 5 lít	Can	5

		Ngăn hình thành màng biofilm, hiệu quả tẩy rửa được chứng minh qua các test ATPmetry, EN 15883. Ngăn ngừa sự nhiễm khuẩn theo tiêu chuẩn NF EN ISO 11930. Nồng độ sử dụng: 0,1-0,5%. Có bầu định lượng trên chai			
42	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi	Lọ 500ml	Lít	6
43	Viên nén khử khuẩn	Thành phần: Natri Dichloroisocyanurate khan 50%, Adipic Acid 22,5%, các thành phần khác 27,5%	Viên 2,5g	Viên	500
44	Cloramim B	Công thức C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> SO <sub>2</sub> NCINa.3H <sub>2</sub> O, được sử dụng để diệt khuẩn bề mặt, xử lý nước. Trong cloramim B có 25% là clo hoạt tính.	Thùng 30kg	Kg	350
45	Dầu Parafin	Parafin ở dạng chất lỏng Không mùi, không vị với điểm nóng chảy giao động trong khoảng từ 47 - 65 độ C. Hòa tan trong ether, chloroform, benzen, xăng Không hòa tan trong nước và ethanol	chai 500ml	Chai	5
46	Gel bôi trơn	Thành phần: Chlorhexidine, Degluconate and Methyl Hydroxybenzoate. Tan trong nước	Tuýp 82g	Tuýp	50
47	Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số (Simens Clinitek status)	Que thử nước tiểu 10 thông số được dùng cho máy phân tích nước tiểu - Các thông số xét nghiệm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen. Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu Clinitek Status tại Bệnh viện	Hộp 100 test	Hộp	20
48	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số (combi screen)	Que thử nước tiểu 11 thông số được dùng cho máy phân tích nước tiểu, các thông số xét nghiệm: Glucose, Ascorbic Acid, Ketones, Protein, pH-Value, Blood, Nitrite, Leucocytes, Spec. Gravity, Bilirubin, Urobilinogen. Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu Urlyzer tại Bệnh viện	Hộp 150 test	Hộp	25
49	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn mycobacteria	-Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. -Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9. - Bảo quản ở 2 - 25 độ C.	7mL/ống x 100 ống/hộp	Hộp	25



50	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao	Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.6g Oleic acid; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphoteracin B 600 µg, Nalidixic acid 2,400 µg, Trimethoprim 600 µg, Azlocillin 600 µg. Bảo quản ở 2 - 8 độ C.	15mL/lọ x 6 lọ Chất làm giàu và 6 lọ thuốc đông khô PANTA	Hộp	25	
51	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng nguyên của Mycobacterium tuberculosis complex (MTbc)	- Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm <i>Mycobacterium tuberculosis</i> complex. - Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc - Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. - Bảo quản ở 2 - 35 độ C.	25 test/hộp	Hộp	25	
52	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 240ml, Lugol chai 240ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 240ml và Safranine chai 240ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 240ml có vòi bơm tiện dụng	4 chai/ bộ	Bộ	9	
53	Thạch Máu	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp 10 đĩa	Đĩa	4500	
54	Thạch Chocolate	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là <i>Neisseria</i> spp. Và <i>Haemophilus</i> . Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitamin, pH: 7.3 ± 0.2 ở	Hộp 10 đĩa	Đĩa	4500	

		25°C					
55	Thạch Maconkey	Đóng gói: 10 đĩa/Hộp Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp 10 đĩa	Đĩa	4500		
56	Thạch Útí	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ±0.2 ở 25°C; Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp 10 đĩa	Đĩa	1500		
57	Thạch Mueller Hinton	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride; pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp 10 đĩa	Đĩa	450		
58	Môi trường BHI hai pha	Chai cây máu hai pha được cấu tạo là chai bằng nhựa Pet với hai phần. Phần trên là pha đặc với môi trường là BHI agar. Phần dưới là BHI lỏng có SPS (Sigma) với vai trò kháng đông và ngăn hoạt động bổ thể cũng như một số kháng sinh.	Thùng 10 chai	Chai	1800		
59	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đồng khô	Hộp 25 thanh	Hộp	8		
60	Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột	Thanh định danh trực khuẩn ngoài đường ruột, để mọc, gồm 20 giếng chứa các hóa chất đồng khô và 7ml môi trường AUX. Đạt tiêu chuẩn ISO	25 thanh + 25 ống hóa chất	Hộp	10		
61	Bộ hóa chất đi kèm thanh định danh	Hóa chất định danh 20E gồm 6 hóa chất: JAMES, NIT1, NIT2, VPI, VP2, TDA.	6 ống/hộp	Hộp	9		
62	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50	5 X 50	Hộp	1		



		<p>khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Khoanh		
63	Khoanh kháng sinh	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 5 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	5 X 50 khoanh	Hộp	1
64	Khoanh kháng sinh	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 5 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	5 X 50 khoanh	Hộp	1
65	Khoanh kháng sinh	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 5 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	5 X 50 khoanh	Hộp	1
66	Khoanh kháng sinh	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 5 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	5 X 50 khoanh	Hộp	1
67	Khoanh kháng sinh	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 5 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	5 X 50 khoanh	Hộp	1
68	Khoanh kháng sinh	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 5 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tằm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	5 X 50 khoanh	Hộp	1

69	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5 X 50 khoanh	Hộp	1	
70	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5 X 50 khoanh	Hộp	1	
71	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5 X 50 khoanh	Hộp	1	
72	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5 X 50 khoanh	Hộp	1	
73	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5 X 50 khoanh	Hộp	1	
74	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	5 X 50 khoanh	Hộp	1	
75	Khoanh kháng sinh	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	5 X 50 khoanh	Hộp	1	



76	Khoanh kháng sinh	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác	5 X 50 khoanh	Hộp	1			
77	Khoanh giấy Bacitracin Discs (0.1i.u.)	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh Bacitracin 0.1 unit để định danh Lancefield Group A streptococci (Streptococcus pyogenes).	Hộp 250 khoanh	Hộp	1			
78	Khoanh giấy Optochin Discs	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh Optochin 5µg để định danh Streptococci pneumoniae.	Hộp 250 khoanh	Hộp	1			
79	Khoanh giấy yếu tố X	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy yếu tố X để phân biệt Haemophilus spp.	Hộp 250 khoanh	Hộp	1			
80	Khoanh giấy yếu tố V	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy yếu tố V để phân biệt Haemophilus spp.	Hộp 250 khoanh	Hộp	1			
81	Khoanh giấy yếu tố X + V	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy chứa yếu tố X+V để phân biệt Haemophilus spp.	Hộp 250 khoanh	Hộp	1			
82	Khoanh giấy phát hiện nhanh Oxidase ở vi khuẩn	Khoanh giấy phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase (Oxidase) ở vi khuẩn. Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm tẩm N,N,N',N'-tetramethyl-1,4-phenylenediamine.	Hộp 50 ống x 0,75ml	Hộp	2			

Tổng số: 82 khoanh